

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN
Năm báo cáo: 2020**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**
- Tên giao dịch: **POSTEF**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100686865, đăng ký lần đầu ngày 07/6/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 30/06/2020.
- Vốn điều lệ: 194.400.000.000 VND (Một trăm chín mươi tư tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.300.060.000 VND (Một trăm chín mươi tư tỷ, ba trăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 38455946 – (024) 37338404
- Số fax: (024) 38234128
- Website: www.postef.com.vn
- Mã cổ phiếu: **POT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xường Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/03/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/09/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và chính thức hoạt động từ ngày 01/07/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686865 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần sáu (6) ngày 08/05/2013.

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.

2.2. Quá trình phát triển:



+ Công ty cổ phần Thiết bị Bru điện (POSTEF) chính thức hoạt động từ 01/07/2005, trải qua hơn 15 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, tổng doanh thu qua các năm gần đây như sau:

TỔNG DOANH THU THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
606,15	1.631,98	1.277,27	1.727,45	1.645,36	1.192,12	1.207,85

+ Với 03 Chi nhánh kinh doanh, 04 Nhà máy và 02 Công ty con (100% vốn của POSTEF) đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Ngoài ra có một công ty liên kết tại Lào. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thể mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để ở mức độ phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

+ Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Khi cần thiết Công ty chuyển đổi mô hình và cơ cấu cho phù hợp từng giai đoạn phát triển. Để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phiên bản mới nhất ISO 9001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2015 (Cho nhà máy sản xuất accu); Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp OHSAS18001:2007 (Cho nhà máy sản xuất accu). Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của Nhà nước, của ngành và tiêu chuẩn cơ sở. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra POSTEF luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang, nghiên cứu phát triển công nghệ ắc quy Lithium, xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị khai thác buro chính, thiết bị Node quang sử dụng cho mạng truyền hình cáp, thiết bị tủ viễn thông ngoài trời dùng cho trạm thu phát sóng di động mini, giải pháp hạn chế ảnh hưởng của sét đến các thiết bị đầu cuối Set Top Box và Modem xDSL khai thác trên mạng lưới của VNPT. Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) của Công ty và các Nhà máy có đội ngũ cán bộ trên 20 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm dịch vụ chính chiếm 10% tổng doanh thu trong hai năm gần đây nhất).

STT	Tên sản phẩm
1	Sản xuất, kinh doanh cáp quang và dây thuê bao các loại
2	Sản xuất, kinh doanh ắc quy viễn thông và ắc quy dân dụng các loại
3	Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt nguồn viễn thông, cảnh báo giám sát các loại
4	Sản xuất và kinh doanh antena các loại dùng trong viễn thông.
5	Sản xuất các thiết bị phục vụ cho mạng ngoại vi quang (Tủ hộp đấu nối, phụ kiện quang...)
6	Kinh doanh các loại thiết bị Gpon, truyền dẫn, swchich.
7	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí các loại
8	Sản xuất các loại sản phẩm brew chính

3.2. Địa bàn kinh doanh.

Tại các Viễn thông tỉnh thành, các Tổng công ty, Công ty phục vụ cho ngành Viễn thông trong cả nước Việt nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban Tổng giám đốc điều hành

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của POSTEF, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ POSTEF quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh POSTEF để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của POSTEF, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám Đốc:

Công ty cổ Phần Thiết bị Bưu điện tính đến thời điểm 31/12/2020 được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và 2 Phó tổng giám đốc (Tính từ đầu năm đến hết tháng 05/2020 có 03 Phó Tổng giám đốc, đến đầu tháng 6/2020 ĐHCĐ TN 2020 một Phó Tổng giám đốc được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc). Sau ĐHCĐTN 2020 Công ty có hai đại diện Pháp luật đó là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty quy định và theo quy định của quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được HĐQT, Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty con:** Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là: công ty PDE)

Địa chỉ: số 63 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh nguồn, ắc quy các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 32 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty con:** Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình

Địa chỉ: số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất điện mặt trời và bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 5 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty liên kết:** Công ty TNHH Liên doanh Lào – Việt (gọi tắt là: LVCC)

Địa chỉ: xã Khua Khaukath, huyện Kaysone Phomvihane, tỉnh Xavanakhet, nước CHDCND Lào.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh cáp đồng, cáp điện các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 2.750.000 USD.

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty liên kết: 30%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2021 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này Công ty cần bám sát sự

phát triển ngành Viễn thông, bám sát sự phát triển của Tập đoàn VNPT, các nhà mạng Mobiphone, Vinaphone, Viettel, CMC... Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tập trung vào một số nội dung sau:

- Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp
- Hoàn thiện mô hình Công ty phù hợp mục tiêu chiến lược POSTEF 4.0 và mô hình định hướng của Tập đoàn VNPT.
- Tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để đáp ứng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2030.
- Đào tạo nhân lực cho phù hợp từng vị trí công tác.
- Chú trọng nâng cấp các dây chuyền sản xuất để mang lại hiệu suất cao nhất có thể.
- Nghiên cứu các sản phẩm đáp ứng chuỗi cung ứng của Tập đoàn VNPT cho Chính phủ số.
- Tập trung nghiên cứu các sản phẩm phụ trợ để đáp ứng mạng 5G của các nhà mạng.
- Nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp xu thế thị trường.
- Tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ vào chuỗi cung ứng của tập đoàn VNPT đồng thời phát triển các thị trường ngoài VNPT để mang lại tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận tương ứng.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh tại các nước Đông Nam Á, châu Á.
- Bám sát nhu cầu thị trường để tìm kiếm sản phẩm mới, tạo điều kiện cho công ty mở rộng sản phẩm và tăng doanh thu, lợi nhuận.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- a). Tiếp tục thực hiện các nội dung chuyển đổi số Doanh nghiệp đã được đề ra trong năm 2020.
- b). Tập trung phát triển các thị trường Quốc tế theo kế hoạch chiến lược của tập đoàn VNPT tại các nước châu Á.
- c). Chuyển đổi sản phẩm phù hợp với VNPT 4.0
- d). Duy trì sản phẩm truyền thống, tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty đã nhận thức được sự phát triển bền vững là tiêu chí hàng đầu, cần phải kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Bởi vậy để hướng tới sự phát triển bền vững Công ty đã có kế hoạch từng bước đổi mới hệ thống quản trị thông qua chương trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Nâng cao trách nhiệm của công ty đối

với việc đổi mới công nghệ, nhằm tăng năng suất lao động, chú trọng sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Công ty luôn chấp hành đúng quy định của Pháp luật trong sản xuất kinh doanh, đồng thời đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo hệ thống ISO tạo điều kiện để phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

- Đại dịch Covid – 19 kéo dài gây ảnh hưởng đến nguồn cung nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào cũng như khả năng tiêu thụ của Doanh nghiệp.

- Sự bùng nổ và thay đổi nhanh chóng Công nghệ viễn thông ảnh hưởng đến công tác đầu tư thiết bị máy móc của các doanh nghiệp. Công nghệ Viễn thông thay đổi nhanh thì doanh nghiệp không đủ thời gian để thu hồi vốn. Trong tình hình hiện nay bắt buộc Doanh nghiệp phải thực hiện việc chuyển đổi số, đó là thách thức vừa là cơ hội. Nếu Công ty thực hiện chuyển đổi số thành công thì đó là cơ hội để công ty bước sang trang mới cùng bắt nhịp với sự phát triển của các nhà mạng viễn thông, cùng đồng hành để cung cấp sản phẩm dài lâu, đặc biệt có cơ hội để tham gia chuỗi cung ứng của ngành viễn thông. Nhưng ngược lại để chuyển đổi số thành công Công ty cần bỏ ra chi phí lớn, phải dám mạnh dạn chấm dứt cái cũ, cái không phù hợp, liệu nguồn lực có đáp ứng hay không, vấn đề này quả thực là khó khăn.

- Kinh tế toàn cầu đang suy thoái điều đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và tình hình thực hiện so với kế hoạch, so với năm liền kề 2019

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH (%)	So sánh năm 2019	
						Thực hiện 2019	TH2020/2019 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm các doanh thu: - BH và CCDV - Hoạt động TC - Thu nhập khác	Đồng	1.732.000.000.000	1.207.855.636.617	69,74%	1.196.936.130.250	101%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	21.600.000.000	18.063.410.157	83,6%	17.793.151.949	100,45%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6,66	5,50	82,58%	5,5%	100%
4	Cổ tức	%	15%	5%	33,3%	5%	100%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

T T	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần cá nhân sở hữu (Mã CK: POT)	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết
TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 (Chốt danh sách 25/02/2020)					
1	Trần Hải Vân	TGD	178.729	178.729	0,919%
2	Lê Thanh Sơn	Phó TGD	20.000	20.000	0,103%
3	Nguyễn Huyền Sơn	Phó TGD	47.394	47.394	0,243%
4	Nguyễn Tiến Hùng	Phó TGD	23.391	23.391	0,120%
	Cộng		269.514	269.514	1,385%
SAU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020					
1	Nguyễn Tiến Hùng	TGD	23.391	23.391	0,120%
2	Lê Thanh Sơn	Phó TGD	10.000	10.000	0,051%
3	Nguyễn Huyền Sơn	Phó TGD	47.394	47.394	0,243%
	Cộng		80.785	80.785	0,414%

2.2. Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

Trước ĐHCĐTN năm 2020 (vào ngày 30/05/2020) Ban Tổng giám đốc gồm 4 người, sau ĐHCĐ TN năm 2020 Ban Điều hành có 03 người.

1. Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hùng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12 tháng 08 năm 1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số căn cước : 001076015916
- Quê quán : Xóm 2, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 3, ngõ 89 đường Thanh Lân, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại LH CQ : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 10/1997 – 12/2002 : Nhân viên Ban Nguồn - Ủy viên BCH Đoàn TNCSHCM Nhà máy Thiết bị Bưu điện;
- + Từ 01/2003 – 4/2004 : Phó quản đốc phân xưởng 7 - Nhà máy Thiết bị Bưu

- điện
- + Từ 5/2004 – 02/2008 : Phó quản đốc phân xưởng, phó chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (công ty con 100% vốn của POSTEF);
 - + Từ 02/2008 – 3/2008 : Quản đốc phân xưởng Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
 - + Từ 4/2008 – 4/2009 : Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng phòng KH-KD -TH Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
 - Từ 5/2009 – 3/2015 : Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
 - Từ 4/2015 – 10/2017 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
 - Từ 10/2017 đến 06/2019 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
 - Từ 07/2019 đến 5/2020 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
 - Từ 06/2020 đến nay : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 001061006008
- Quê quán : Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - p. Đồng Tâm – Quận Hai Bà Trưng – tp Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 1984 – 1998 : Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên

- phòng KTTK, Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK, Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- + Từ 1/1999 - 6/2005 : Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - + Từ 7/2005 - 8/2009 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1
 - + Từ 9/2009 – 4/2015 : Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
 - + Từ 4/2015 đến T2/2018 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - + Từ 3/2018 đến T5/2020 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện – Thành viên HĐQT.
 - + Từ 6/2020 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

3. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/ 11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 025598484
- Quê quán : Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Nhà số 8 – D6 – Khu Saigon Pearl – số 92 Nguyễn Hữu Cảnh - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TPHCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 028.38299466
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 02/1985 – 6/2005 : Các chức vụ đảm nhiệm qua các thời kỳ: Nhân viên phòng Kế hoạch, Nhân viên phòng KTTK, Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm, Trưởng Chi nhánh miền Nam, Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM
- + Từ 7/2005 - 8/2009 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- + Từ 9/2009 – 4/2015 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.

- + Từ 4/2015 đến T2/2018 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Phó Tổng giám đốc Công ty; Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
- + Từ T3/2018 đến nay: : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2.3. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2020 thực hiện theo quy định của Pháp luật, Chủ tịch HĐQT không kiêm chức danh Tổng Giám đốc.

Trước ĐHCĐ thường niên năm 2020 (Trước 30/05/2020): Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty (Ông Trần Hải Vân giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc).

Sau ĐHCĐ thường niên năm 2020 (Từ 01/06/2020) : Chức danh chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc được tách riêng. Ông Trần Hải Vân giữ chức vụ chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Tiến Hùng giữ chức danh tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc Công ty có 01 Tổng giám đốc và 02 phó Tổng giám đốc.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a) Số lượng và cơ cấu lao động tại 31/12/2020

Stt	Nội dung	Số người	Tỷ lệ
1	Tổng số lao động	393	100%
2	Phân loại lao động theo trình độ:		
2.1	Trên đại học	12	3,05%
2.2	Đại học chính quy, ĐH Tại chức	95	24,17%
2.3	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	98	24,94%
2.4	Công nhân kỹ thuật	188	47,84%

b) Chính sách đối với người lao động:

+ **Chế độ làm việc:** Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

+ **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

+ **Chính sách tuyển dụng:** Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công

ty và tiếp tục tuyển dụng kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật để bổ sung cho nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

+ **Chính sách lương, bảo hiểm, thưởng và phúc lợi:** Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2020, công ty đảm bảo ổn định thu nhập và thực hiện tốt Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đã được ĐHCĐ thông qua từ trước. Các dự án đầu tư của công ty tiếp tục được thực hiện theo đúng tiến độ, kế hoạch đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua, đảm bảo phù hợp trong tình hình thực tế.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

- Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là Công ty PDE) và Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình (gọi tắt là Công ty POSTEF Ba Đình). Cả hai Công ty do Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) sở hữu 100% vốn điều lệ:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	
		Công ty PDE (đồng)	Công ty POSTEF Ba Đình (đồng)
1	Tổng doanh thu (Bao gồm : - DT bán hàng và CCDV - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác)	173.948.806.934	22.163.280.261
2	Lợi nhuận kế toán trước	562.739.959	97.953.755
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành		34.156.320
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	562.739.959	63.797.435

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	2.295.572.667.975	2.096.536.656.053	(8,67%)
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	1.191.475.848.323	1.078.676.867.703	(9,46%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.891.324.850	17.355.970.235	(35,45%)
Lợi nhuận khác	596.144.044	1.777.650.292	2,98%
Lợi nhuận trước thuế	27.487.468.898	19.133.620.527	(30,39%)
Lợi nhuận sau thuế	17.983.151.949	18.063.410.157	4,5%
Tỷ lệ trả cổ tức	5%	5%	0

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,12	0,99
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0,89	0,8
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2.1	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,86	0,84
2.2	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	6,10	5,38
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho trung bình	0,96	1,1
3.2	Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn (DT thuần/Tài sản ngắn hạn)	1,09	1,16
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
4.1	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	0,015	0,016
4.2	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,0078	0,0086
4.3	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,056	0,055
4.4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	0,093	0,0929

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2020
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Cổ phần	19.430.006
2	Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
4	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	Đồng	10.000

5.2. Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/01/2021)

a) Phân loại theo cổ đông nhà nước, cổ đông khác:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1	9.714.200	49,996%
2	Cổ đông khác	2.291	9.715.806	50,004%
	Cộng	2.292	19.430.006	100%

b) Phân loại theo tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn	4	14.547.932	74,87%
2	Cổ đông nhỏ	2.288	4.882.074	25,13%
	Cộng	2.292	19.430.006	100%

d) Phân loại theo cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	2.274	19.413.833	99,92%
2	Cổ đông nước ngoài	18	16.173	0,08%
	Cộng	2.292	19.430.006	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có đợt tăng vốn cổ phần nào trong năm.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5.5. Chứng khoán khác:

Không có đợt phát hành chứng khoán trong năm.

-&-

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 tình hình kinh tế đang trên đà suy thoái, cộng hưởng thêm dịch bệnh Covid -19 kéo dài, mức đầu tư của ngành Viễn thông giảm cùng sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà mạng, nhưng với sự đoàn kết, nhất trí, sự nỗ lực cố gắng của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty ổn định, tự chủ cụ thể như sau:

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm các doanh thu: - BH và CCDV - Hoạt động TC - Thu nhập khác	Đồng	1.732.000.000.000	1.207.855.636.617	69,74%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	21.600.000.000	18.063.410.157	83,6%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6,66	5,50	82,58%
4	Cổ tức	%	15%	5%	33,3%

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Tại thời điểm 31/12/2019	Tại thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.093.188	929.298	85%	(163.890)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	69.545	188.423	271%	118.878
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	55	61.6	112%	6.6
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	748.559	531.339	71%	(217.220)
IV. Hàng tồn kho	234.859	187.110	79,7%	(47.749)
V. Tài sản ngắn hạn khác	40.168	22.362	55,7%	(17.806)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.202.386	1.167.238	97%	(35.146)
I. Các khoản phải thu dài hạn	25.093	25.107	100,05%	14

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2019	Tại thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
II. Tài sản cố định	408.366	395.106	96,75%	(13.260)
III. Tài sản dở dang dài hạn	700.535	681.720	97,31%	(18.815)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13.579	13.579	100%	0
V. Tài sản dài hạn khác	54.810	51.725	94,37%	(3.085)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.295.572	2.096.536	91,33%	(199.036)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2019	Tại thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. NỢ PHẢI TRẢ	1.971.480	1.768.334	89,7%	(203.146)
I. Nợ ngắn hạn	972.449	941.147	96,78%	(31.302)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	411.848	296.908	72,09%	(114.940)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	317	7.502	2.359%	7.185
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.187	1.765	1,051%	(9.422)
4. Phải trả người lao động	8.198	8.675	1,058%	477
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.430	14.274	1,062%	844
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-			
7. Phải trả ngắn hạn khác	5.200	5.169	99,4%	(31)
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	483.253	580.885	120%	97.632
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26.951	18.823	69,8%	(8.128)
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.061	7.142	59,22%	(4.919)
II. Nợ dài hạn	999.030	827.186	82,80%	(171.844)
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.149	1.149	0	0
2. Phải trả dài hạn khác	837.813	706.283	63,79%	(131.530)

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2019	Tại thời điểm 31/12/2020	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	91.629	49.658	54,20%	(41.971)
4. Dự phòng phải trả dài hạn	68.438	70.096	102,42%	1.658

Tình hình tài chính công ty trong năm 2020 đảm bảo ổn định, hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán hiệu quả đã góp phần vào kết quả hoạt động chung của công ty trong năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Bám sát chủ trương tái cơ cấu của Chính phủ, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiến lược VNPT4.0, Công ty cũng đang tiến hành từng bước tái cơ cấu bộ máy hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trong năm Công ty đã tái thành lập thêm một chi nhánh tại tổ hợp Công nghiệp POSTEF tại khu Công nghiệp Vsip Bắc ninh có tên gọi là : Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu điện – Nhà máy 1 để khôi phục lại các hoạt động các mặt hàng trước đây mà Công ty đang chiếm ưu thế. Theo đó Công ty tổ chức lại một số hoạt động tại khu vực Vsip và văn phòng Công ty phù hợp với tình hình giai đoạn khó khăn hiện nay. Cụ thể là công tác Kế hoạch tổ chức lại nhằm chi phối toàn bộ hoạt động tại các đơn vị phụ thuộc trên cơ sở tính toán chi tiết nhằm đảm bảo hoạt động cho các nhà máy ổn định, việc nghi luận phiên khi dịch Covid cũng được tính toán tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh. Tại khu vực Vsip, Công ty đã thực hiện các dịch vụ dùng chung cho các đơn vị như về tổ chức, kế hoạch, Lao động tiền lương và Kế toán. Từ đó lãnh đạo Công ty sẽ có một cách nhìn tổng quan hơn để điều hành hoạt động tại các đơn vị cấp dưới. Tăng cường tổ chức quản trị các đơn vị cấp dưới về tính hiệu quả của hoạt động, đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động Công ty con.

Công ty từng bước triển khai chuyển đổi số doanh nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay.

Chú trọng công tác quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản phẩm. Định kỳ đánh giá nội bộ về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS18001:2007. Công tác PCCC cũng được quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2021

Triển khai các nội dung của ĐHCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua. Tập trung chủ yếu vào một số nội dung quan trọng sau đây:

- Thực hiện chuyển đổi số doanh nghiệp: Trong năm 2021 công ty sẽ tập trung một trong bốn nội dung của chuyển đổi số đó là thực hiện việc chuyển đổi công tác tổ chức bộ máy quản trị và bước đầu chuyển đổi số sản xuất thông minh, là tiền đề cho năm 2022 – 2023 sản xuất thông minh và 2023 – 2025 sản phẩm thông minh.
- Bám sát sự phát triển ngành Viễn thông để đề ra mục tiêu từng thời điểm thích hợp. Triển khai thực hiện Chiến lược POSTEF4.0 dịch chuyển theo Chiến lược VNPT 4.0.
- Lựa chọn và đào tạo nhân sự phù hợp với từng vị trí của Công ty.
- Nâng cao năng lực quản trị của khối văn phòng Công ty đối với các đơn vị cấp dưới.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ các đơn vị đáp ứng yêu cầu công việc và yêu cầu của khách hàng.
- Nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm phù hợp với định hướng phát triển của ngành trong giai đoạn tới cũng như các sản phẩm công nghiệp phụ trợ.
- Hoàn thiện các nội dung công tác đầu tư, tăng cường giám sát hoạt động tại công ty con và công ty liên kết.
- Tăng cường quan tâm đến môi trường và xã hội của Công ty như việc tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

-&-

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2020:

Năm 2020, đại dịch Covid đã gây ra khủng hoảng nghiêm trọng, ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống con người trên phạm vi toàn cầu, kinh tế thế giới đã trải qua cuộc suy thoái tồi tệ, GDP giảm kỷ lục, thị trường hàng hóa trên thế giới biến động mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Việt nam cũng không ngoại lệ, mặc dù chúng ta là nước không chế được dịch bệnh tốt so với các nước trên thế giới và tăng trưởng dương, nhưng chúng ta đã gặp rất nhiều khó khăn khi thị trường các nước đóng cửa. Đối với Công ty đã bị gián đoạn sản xuất do thiếu nguồn cung vật tư nhập khẩu, cũng như việc giãn cách xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến lao động sản xuất sản phẩm, tác động tiêu cực đến các chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh được giao.

Trong khó khăn bị đại dịch Covid thì ngành thương mại điện tử toàn cầu phát triển mạnh mẽ. Mua sắm trực tuyến, học tập trực tuyến, hội họp trực tuyến... đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành Viễn thông, là cơ hội cho ngành Viễn thông cũng như Công nghệ thông tin trong bình thường mới.

Năm 2020 là một năm khó khăn thách thức, tuy nhiên HĐQT đã có những định hướng chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo các đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2020 như sau:

1.1 Với sự định hướng và chỉ đạo sát sao của HĐQT công ty, trong năm Công ty đã đạt được những kết quả sau:

- Bám sát chủ trương, định hướng chiến lược của HĐQT, Công ty vượt qua các khó khăn thách thức để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh vừa duy trì được các sản phẩm truyền thống, vừa đảm bảo các mặt hàng mới phục vụ cho ngành Viễn thông. Đồng thời Công ty đã chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số Doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 và từng bước thực hiện từ năm 2021. Tuy năm 2020 không đạt được chỉ tiêu của ĐHCĐ thường niên năm 2020 nhưng công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đều có kết quả tăng nhẹ so với năm 2019.
- Về nghiên cứu phát triển đề tài KHCN: Đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới theo nghị quyết ĐHCĐ và đã được Cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt đồng thời đăng ký đề tài KHCN, sản phẩm mới trong năm 2021 theo chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Công tác Đầu tư : Nhà máy sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang đã đi vào hoạt động ổn định, sản phẩm đã phục vụ cho các nhà máy cáp quang và thuê bao quang, Công ty không còn phải nhập khẩu sợi quang từ nước ngoài. Dự án năng lượng điện mặt trời hoạt động bước đầu đạt hiệu quả tốt. Các dự án về Bất động sản đang trong giai đoạn chờ kết quả với cơ quan quản lý nhà nước.

1.2 Khó khăn, thách thức

- a) Nhà máy sản xuất sợi quang đã hoạt động, nhưng phương án phát hành tăng vốn phục vụ cho công tác đầu tư nhà máy không được phê duyệt. Vì vậy Công ty khó khăn nguồn vốn hoạt động; Nguồn vốn hoạt động chủ yếu vốn vay nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong mục chi phí sản xuất kinh doanh.
- b) Việc phát triển sản phẩm sợi quang ra thị trường ngoài nước cần phải được đầu tư bài bản. Khó khăn là sản phẩm mới lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường nên mất nhiều thời gian để xây dựng thương hiệu sản phẩm. Hơn nữa các nước tiêu thụ sợi quang có thói quen dùng sản phẩm các nước G7.
- c) Việc chuyển đổi số doanh nghiệp có nhiều thách thức, năng lực công nghệ trong nước chưa cao, chưa làm chủ được những công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số mà chủ yếu là đi sau và ứng dụng những công nghệ chuyển đổi số đã được phát triển sẵn trên thế giới. Mặt khác chi phí đầu tư cho chuyển đổi số lớn mới tiếp cận được nhà máy hiện đại, nhà máy thông minh và công nghệ mới nhất. Về mặt nhân lực cần thiết có nguồn nhân lực chất lượng cao để làm chủ công nghệ mới phục vụ cho chuyển đổi số. Công ty phải loại bỏ cái cũ để tiến thẳng lên cái mới nên nhiều thách thức trong đó thách thức về chi phí bỏ ra trong điều kiện ngân sách hạn hẹp.

Tuy nhiên thực hiện chuyển đổi số trong sự lan tỏa của cuộc cách mạng 4.0 không còn sự lựa chọn mà xu hướng tất yếu để Công ty đứng vững trước thời cuộc. Chuyển đổi số thành công sẽ nâng cao hiệu quả doanh nghiệp, nâng cao năng suất làm việc, tăng doanh thu. Thành công trong chuyển đổi số cũng là cơ hội để Công ty hòa nhập và phát triển, dù điều kiện được tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm của Tập đoàn VNPT cũng như cơ hội khác.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành công ty năm 2020:

Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và các Quy chế HĐQT ban hành, phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

Trong công tác điều hành, ban Điều hành ưu tiên chuyển giải quyết được những vướng mắc những khó khăn và đưa ra giải pháp thích hợp để hạn chế các chi phí phát sinh, phù hợp theo từng giai đoạn. HĐQT và Ban Điều hành luôn phối hợp, thống nhất trong phương pháp điều hành, đưa ra những giải pháp phù hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ban Điều hành duy trì đều đặn các cuộc họp giao ban tuần, giao ban tháng, các giao ban chuyên đề như giao ban kế hoạch, giao ban đề tài, giao ban công tác đầu tư... nhằm giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm ổn định trong tình hình mới, tạo được công ăn việc làm cho người lao động, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Nộp ngân sách nhà nước đủ và đúng hạn. Đó là tiền đề cho công ty phát triển trong năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

3.1. Định hướng phát triển

Công ty bám sát định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông về phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chuyển đổi số doanh nghiệp và tầm nhìn cho hàng chục năm tiếp theo; Bám sát Chiến lược VNPT4.0 của Tập đoàn VNPT để phát triển.

- a. Mục tiêu phát triển* : Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2021 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021 trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b. Quan điểm phát triển* : Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; Chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính; Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; Phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác;
- c. Quản trị Công ty*

* Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp: Thực hiện nghị quyết số 52 – NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ban hành ngày 27/09/2019 và quyết định số 749/QĐ

– TTg của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành ngày 03/06/2020. Định hướng của Tập đoàn VNPT là Doanh nghiệp công nghệ cung cấp dịch vụ số giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 trở thành trung tâm giao dịch số tại châu Á thông qua chiến lược VNPT 4.0. Là doanh nghiệp thuộc tập đoàn VNPT có định hướng phát triển dịch chuyển theo VNPT 4.0, Công ty đã ban hành nghị quyết số 110/NQ/ĐU/POSTEF ngày 23/10/2020 về công tác chuyển đổi số của Doanh nghiệp đến 2025 tầm nhìn đến 2030. Trong năm 2021 Công ty tập trung cho việc đầu tư chuyển đổi số nhằm đáp ứng các tiêu chí: Quản trị thông minh; Tăng cường sức cạnh tranh; Nâng cao năng lực điều hành; Xây dựng nền tảng cho sự phát triển giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn 2030. Cụ thể Công ty đã xây dựng kế hoạch cho từng giai đoạn.

Giai đoạn từ năm 2021 thực hiện việc chuyển đổi công tác tổ chức bộ máy quản trị và bước đầu chuyển đổi số sản xuất thông minh;

Giai đoạn 2 từ năm 2022 – 2023 sản xuất thông minh, một số sản phẩm thông minh;

Giai đoạn 2023 – 2025 sản phẩm thông minh.

* Hoàn thiện mô hình Công ty phù hợp mục tiêu chiến lược POSTEF 4.0 và mô hình định hướng của Tập đoàn VNPT.

* Tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để đáp ứng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2030.

* Đào tạo nhân lực cho phù hợp từng vị trí công tác.

d. Công tác đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

* Chú trọng nâng cấp các dây chuyền sản xuất để mang lại hiệu suất cao nhất có thể.

* Nghiên cứu sản phẩm đáp ứng chuỗi cung ứng Tập đoàn VNPT cho Chính phủ số.

* Tập trung nghiên cứu các sản phẩm phụ trợ để đáp ứng mạng 5G của các nhà mạng.

* Nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp xu thế thị trường.

e. Công tác kinh doanh phát triển thị trường

* Tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ vào chuỗi cung ứng của tập đoàn VNPT đồng thời phát triển các thị trường ngoài VNPT để mang lại tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận tương ứng.

* Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh tại các nước Đông Nam Á, châu Á.

* Bám sát nhu cầu thị trường để tìm kiếm sản phẩm mới, tạo điều kiện cho công ty mở rộng sản phẩm và tăng doanh thu, lợi nhuận.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- a) Cơ cấu về sở hữu vốn tại công ty cho phù hợp với tình hình giai đoạn.
- b) Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty linh hoạt phù hợp với giai đoạn hiện nay.
- c) Đổi mới mô hình tăng trưởng : Tăng tỷ trọng doanh thu ngoài ngành VNPT; Mở rộng ngành nghề khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- d) Duy trì sản phẩm truyền thống, mặt khác tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa dây chuyền sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý.
- e) Có chính sách thu hút nhân tài phù hợp.
- f) Thực hiện các nội dung chuyển đổi số Doanh nghiệp đã được đề ra trong năm 2020.
- g) Tập trung phát triển các thị trường Quốc tế theo kế hoạch chiến lược của tập đoàn VNPT tại các nước châu Á.
- h) Chuyển đổi sản phẩm phù hợp với VNPT 4.0

V. QUẢN TRI CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT tại thời điểm 31/12/2020

T T	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần cá nhân sở hữu	Số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/ Số CP Lưu hành
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	203.323	203.323	1,046%
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	0	0	0%
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	1.499.452	1.499.452	7,72%
4	Nguyễn Huyền Sơn	TV HĐQT	47.394	47.394	0,24%
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	23.391	23.392	0,12%
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	4.393	4.393	0,02%
	Cộng		1.777.953	1.777.953	9,15%

b) *Các tiểu ban thuộc HĐQT* : Công ty không áp dụng mô hình có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành 12 cuộc họp trong đó có 04 buổi họp trực tiếp và 08 cuộc họp thông qua lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp trực tiếp đều mời trưởng BKS tham dự họp. Trước ĐHĐCĐ thường niên 2020 thành phần trong HĐQT bao gồm tất cả các thành viên của Ban Tổng Giám đốc. Sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 có một phó Tổng giám đốc không tham gia Hội đồng quản trị do tuổi cao không đủ nhiệm kỳ theo quy định. Cuộc họp HĐQT sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vẫn đầy đủ các thành viên HĐQT, trưởng BKS và ban Tổng giám đốc tham gia (Gồm Tổng giám đốc và một phó Tổng giám đốc). Bởi vậy các cuộc họp của HĐQT, thảo luận có sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng, chỉ đạo giữa HĐQT với ban Điều hành. Các buổi họp của các thành viên HĐQT như sau :

STT	Số Nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
CÁC CUỘC HỌP HĐQT KHÓA TIỀN NHIỆM (TRƯỚC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020)			
1	Số 37/BB-HĐQT	31/01/2020	Thông qua lịch tổ chức, dự kiến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Nhiệm kỳ 2020-2025) của Công ty.
2	Số 128/BB-HĐQT	31/03/2020	Thông qua dời ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, dời ngày thanh toán tạm ứng cổ tức do đại dịch COVID – 19 và thực hiện chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020.
3	Số 179 /BB-HĐQT	11/05/2020	Họp HĐQT quý 2/2020: Thông qua ngày họp, nội dung họp, hình thức ĐHĐCĐTN năm 2020 sau khi hoãn dịch. Sơ kết Hoạt động SXKD Quý 1/2020 và kế hoạch SXKD quý 2/2020.
	Số 194/BB - HĐQT	23/05/2020	Điều chỉnh lỗi đánh máy tại phiên họp HĐQT số 179/BB – HĐQT ngày 11/05/2020.
4	Số 198 /BB-HĐQT	29/05/02020	Thông qua nội dung thôi đảm nhiệm chức danh kế toán trưởng Công ty của bà Trần Thị Hòa.
CÁC CUỘC HỌP HĐQT KHÓA KẾ NHIỆM (SAU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020)			
5	Số 204 /BB-HĐQT	01/06/02020	Họp HĐQT sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 để bầu ra Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc

6	Số 216 /BB - HĐQT	09/06/2020	Họp HĐQT để thông qua việc bổ nhiệm bà Ma Thị Nghiệm giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty.
7	Số 256/BB-HĐQT	06/07/2020	Họp HĐQT đầu quý 3/2020: Sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm; Thông qua hạn mức tín dụng tại các ngân hàng.
8	Số 312/BB – HĐQT	28/07/2020	Ban hành quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.
9	Số 443/BB-HĐQT	23/10/2020	Sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng, đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch quý 4, dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2020; Đăng ký kế hoạch năm 2021; Thông qua hạn mức tín dụng cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Quân đội
10	Số 126/NQ – HĐQT Số 126a/NQ - HĐQT	10/11/2020	Thông qua đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà tại nhà máy 4 và nhà máy 5.
11	Số 554/BB-HĐQT	24/12/2020	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trịnh An Huy giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2021.
12	Số 559 /BB-HĐQT	28/12/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tham dự ĐHCĐ TN 2021; Ngày ĐHCĐ TN 2021.

d) *Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập* : Trong năm Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập.

e) *Đào tạo về quản trị Công ty* :

T T	Họ và tên	Chức danh	Chương trình đào tạo
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	Các thành viên HĐQT đều đã trải qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công ty trước đây. Trong năm 2020, chủ tịch HĐQT được đào tạo về chuyển đổi số trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số Doanh nghiệp do tập đoàn VNPT tổ chức. Công ty đã mời đơn vị chuyên đào tạo về chuyển đổi số tổ chức lớp học đào tạo chuyển đổi số cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ chủ chốt của Công ty, trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số.
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
4	Nguyễn Huyền Sơn	TV HĐQT	
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2020

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	
			Số cổ phần	Tỷ lệ CP nắm giữ/Số CP lưu hành (%)
1	Trần Thị Hòa	Trưởng BKS	28.872	0,149%
2	Vũ Hoàng Công	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	13.120	0,067%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020 Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ, tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã bầu ra các thành viên mới gồm có 3 (Ba) thành viên, trong đó chỉ thay đổi trưởng Ban Kiểm soát, còn hai thành viên còn lại vẫn giữ nguyên.

Các thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ 100% các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2020 và tham dự đầy đủ 100% cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty. Trong năm Ban kiểm soát thực hiện đúng quy định về việc thẩm định các Báo cáo của HĐQT, Ban TGD điều hành trước khi lập Báo cáo của Ban kiểm soát để báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Các nội dung làm việc của Ban kiểm soát trong năm được các thành viên Ban kiểm soát thảo luận, thống nhất thông qua, cùng ký tên đầy đủ tại các biên bản làm việc của Ban kiểm soát đã ban hành trong năm 2020. Ban kiểm soát đã lựa chọn ra các đơn vị kiểm toán có đầy đủ năng lực để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 trình lên ĐHĐCĐ Thường niên 2020 để xem xét.

Sau ĐHĐCĐ TN 2020 nhiệm kỳ 2020 – 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức họp và bầu ra trưởng Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát mới trong năm đã thực hiện việc kiểm tra hoạt động SXKD của năm 2020 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ TN 2020 đề ra; Giám sát kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và đang tiến hành kiểm tra giám sát kết thúc năm tài chính, chuẩn bị các nội dung để báo cáo ĐHĐCĐ TN 2021.

Trong hoạt động Ban kiểm soát luôn luôn chủ động phối hợp với HĐQT, Ban TGD và các phòng ban nghiệp vụ, các nhà máy, các chi nhánh trong quá trình thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định hiện hành. Ban kiểm soát dự đầy đủ các buổi họp giao ban Công ty hàng tháng để nắm bắt tình hình. Định kỳ xuống dự giao ban với các nhà máy, chi nhánh.

HĐQT, Ban TGD và các bộ phận quản lý khác đã cung cấp tài liệu thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát cũng đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành Công ty với nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của BKS các thành viên BKS tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các Biên bản cuộc và các nội dung cuộc họp của BKS trong năm 2020

STT	Biên bản làm việc của Ban kiểm soát	Ngày	Nội dung
CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS KHÓA TIỀN NHIỆM (TRƯỚC ĐHĐCĐ TN 2020)			
1	Số 88/2020/BB-BKS	13/03/2020	Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ TN năm 2020 phê chuẩn danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty.
2	Số 142/2020/BB -BKS	13/04/2020	Báo cáo BKS năm 2019 và nhiệm kỳ 2015-2019 trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 nhiệm kỳ 2020 – 2024.
CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS KHÓA KẾ NHIỆM (SAU ĐHĐCĐ TN 2020)			
3	Số 282/2020/BB – BKS	15/07/2020	Bầu chức danh trưởng BKS.
4	Số 283/2020/BB - BKS	15/07/2020	Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS.
5	Số 569/2020/BB - BKS	24/12/2020	Giám sát hoạt động SXKD năm 2020; Đánh giá hoạt động BKS 2020; Kế hoạch giám sát kết thúc năm tài chính để báo cáo ĐHĐCĐ TN 2021.

3. Các giao dịch, thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao, phụ cấp theo biên bản/ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

Thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS được ĐHĐCĐ TN 2021 thông qua như sau:

TT	Đơn vị	Thù lao kế hoạch HĐQT & BKS đã được ĐHĐCĐ 2020 phê duyệt (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của lợi nhuận sau thuế năm 2020(đồng)	Thù lao năm 2020 được hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) * (4)
1	Hội đồng quản trị	283.600.000	83.6%	237.089.600
2	Ban kiểm soát	83.400.000	83.6%	69.722.400
	Cộng	367.000.000		306.812.000

b. Giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	178.729	0,919%	203.323	1,046%	Mua cổ phiếu
2	Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT (Trước 01/06/2020) Phó Tổng giám đốc	20.000	0,103%	10.000	0,0515 %	Bán cổ phiếu
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên HĐQT	1.299.452	6,69%	1.499.452	7,72%	Mua cổ phiếu
4	Ma Thị Nghiệm	Kế toán trưởng Công ty	14.594	0.075%	0	0%	Bán cổ phiếu
5	Nguyễn Minh Đức	Chồng Bà Ma Thị Nghiệm	1.000		0	0%	Bán cổ phiếu

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và điều lệ công ty.

-&-

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán công bố trên trang điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<http://postef.com.vn/pot-cong-bo-thong-tin-bctchn2020-01022021/>

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GDCKHN (b/c);
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY



Trần Hải Vân

